

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 24-9-2021

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 13/TB-TA ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 34/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN VĂN H** – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **LÊ KIM N** – sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(ông H và bà N có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Lê Kim N cưới nhau vào năm 1991, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi cưới ông và bà N sống hạnh phúc được 25 năm

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông và bà Nđã sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu xin ly hôn với bà Ngọc.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim Y– sinh ngày 02/4/1993 và Nguyễn Thị Kim N– sinh ngày 27/02/1999, hiện hai cháu Kim Y và Kim N đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

\* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Lê Kim N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau vào 1992, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi cưới bà và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên bỏ nhà đi không chăm lo cho gia đình, ông H còn hành hung bà, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Đến năm 2016 bà và ông H tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông H yêu cầu xin ly hôn, phía bà N đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim Y– sinh ngày 02/4/1993 và Nguyễn Thị Kim N– sinh ngày 27/02/1999, hiện hai cháu Kim Y và Kim N đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H xin vắng mặt.

- Bị đơn bà Lê Kim N xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Kim Ngọc; về con chung: 02 cháu Nguyễn Thị Kim Y– sinh ngày 02/4/1993 và Nguyễn Thị Kim N– sinh ngày 27/02/1999 đã thành niên nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Lê Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà Ngọc.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở. Vì ông Nguyễn Văn H và bà Lê Kim Ngọc cưới nhau vào năm 1991, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y số 74/HT ngày 17/9/2002. Sau khi cưới ông H và bà Ngọc hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông H và bà Ngọc ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay, mà giữa ông H, bà Ngọc không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa ông H, bà Ngọc đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại văn bản lời khai bà Ngọc đồng ý ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Kim Ngọc là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 02 cháu Nguyễn Thị Kim Y – sinh ngày 02/4/1993 và Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 27/02/1999 hiện đã thành niên, lao động được, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do ông H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Kim Ngọc.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0017127 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy ông H đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Y, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**